

Số: 153 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 13 tháng 01 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại đồi Đá Trắng, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1349/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4790/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá spilit làm VLXD thông thường trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại Đồi Trắng, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (trữ lượng tính đến ngày 13/8/2015);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 06/TTr-STNMT ngày 05 tháng 01 năm 2016,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại đồi Đá Trắng, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

##### 1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Mạnh Trang; địa chỉ: Số nhà 78 khối 3, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm lần đầu (theo Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh):

- G = 60.000 đồng/m<sup>3</sup> đối với đá spilit làm VLXD thông thường;

-  $G = 2.100.000$  đồng/ $m^3$  đối với đá khối tận thu làm đá ốp lát.

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền:

$$Q = Q_1 + Q_2;$$

Trong đó:

-  $Q_1$  là trữ lượng địa chất của đá spilit làm VLXD thông thường được phê duyệt theo Quyết định số 4790/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND tỉnh là:  $628.060 m^3$ ;

-  $Q_2$  là trữ lượng địa chất của của khối tận thu sản xuất đá ốp lát được phê duyệt theo Quyết định số 4790/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND tỉnh là:  $47.273 m^3$ ;

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên:  $K_1 = 0,9$ ;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội:  $K_2 = 1,0$ ;

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

-  $R = 4\%$  (Đối với than bùn và các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại);

-  $R = 1\%$  (Đối với đá ốp lát gốc);

f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$$T = T_1 + T_2;$$

Trong đó:

-  $T_1$  là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng địa chất của đá spilit làm VLXD thông thường được phê duyệt tại Quyết định số 4790/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND tỉnh (áp dụng giá tối thiểu tính thuế tài nguyên theo Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh), cụ thể:

$$T_1 = (Q_1 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (628.060 m^3 \times 60.000 \text{ đồng}/m^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 4\%) = 1.356.609.600 \text{ đồng};$$

-  $T_2$  là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng địa chất của đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát được phê duyệt tại Quyết định số 4790/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND tỉnh (áp dụng giá tối thiểu tính thuế tài nguyên theo Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh), cụ thể:

$$T_2 = (Q_2 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (47.273 m^3 \times 2.100.000 \text{ đồng}/m^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 1\%) = 893.459.700 \text{ đồng};$$

$$\text{Như vậy } T = T_1 + T_2 = 1.356.609.600 \text{ đồng} + 893.459.700 \text{ đồng} = 2.250.069.300 \text{ đồng};$$

g) Tổng số lần nộp:  $N = X : 2 = 30 : 2 = 15$  lần;

h) Số tiền phải nộp hàng năm:

$$T_{\text{h\`n}} = T : 15 = 2.250.069.300 \text{ đồng} : 15 = 150.004.620 \text{ đồng};$$

i) Số tiền nộp lần đầu:  $T_{\text{ld}} = T_{\text{h\`n}} = 150.004.620$  đồng (Một trăm năm mươi triệu, không trăm linh bốn nghìn, sáu trăm hai mươi đồng);

j) Số tiền nộp các lần tiếp theo (từ lần 2 ÷ 15) được tính theo công thức sau:

$T_n = T_{hn} \times G_n$ ; Trong đó:

+  $T_n$  là số tiền nộp lần thứ n (từ lần 2 ÷ 15);

+  $T_{hn}$  là tiền nộp hàng năm;

+  $G_n$  giá tính tiền cấp quyền khai thác (giá tính thuế tài nguyên) tại thời điểm nộp tiền lần thứ n;

+ G giá tính tiền cấp quyền khai thác lần đầu;

k) Thời điểm nộp tiền:

- Lần đầu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Các lần tiếp theo nộp trước ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo.

## 2. Hoàn trả kinh phí thăm dò:

Mỏ đá split làm VLXD thông thường tại đồi Đá Trắng, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa được thăm dò bằng nguồn kinh phí của Công ty TNHH Mạnh Trang. Vì vậy, đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty TNHH Mạnh Trang về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phải nộp Ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Công ty TNHH Mạnh Trang có trách nhiệm nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào Ngân sách nhà nước theo quy định. Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra.

3. UBND huyện Hà Trung, UBND xã Hà Tân có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

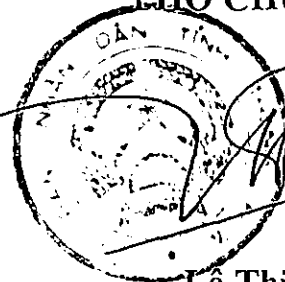
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Chủ tịch UBND xã Hà Tân, huyện Hà Trung; Giám đốc Công ty TNHH Mạnh Trang; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / Đưu

### Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, KTTC, CNXDGT.  
QDKP 16-009

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn